

BÁO CÁO QUỐC GIA

Việt nam

Tháng 10, 2008

Economist Intelligence Unit
26 Red Lion Square
London WC1R 4HQ
United Kingdom

The Economist Intelligence Unit

The Economist Intelligence Unit là một nhà xuất bản chuyên nghiệp phục vụ cho các công ty thiết lập và quản lý các hoạt động xuyên quốc gia. Trong 60 năm qua, nó là một nguồn thông tin về những hoạt động phát triển kinh doanh, các xu hướng kinh tế và chính trị, các qui định của chính phủ và thông lệ công ty trên toàn cầu.

The Economist Intelligence Unit phát hành các thông tin của nó theo 4 cách: thông qua các danh mục kỹ thuật số của nó, nơi mà các phân tích mới nhất được cập nhật hàng ngày; thông qua hàng loạt các sản phẩm thuê bao in ấn từ thư từ cho đến các sản phẩm tham khảo hàng năm. Thông qua các báo cáo nghiên cứu; và bằng cách tổ chức các hội thảo và diễn thuyết. Công ty là một thành viên của The Economist Group.

London

The Economist Intelligence Unit
26 Red Lion Square
London
WC1R 4HQ
United Kingdom
Tel: (44.20) 7576 8000
Fax: (44.20) 7576 8500
E-mail: london@eiu.com

New York

The Economist Intelligence Unit
The Economist Building
111 West 57th Street
New York
NY 10019, US
Tel: (1.212) 554 0600
Fax: (1.212) 586 0248
E-mail: newyork@eiu.com

Hong Kong

The Economist Intelligence Unit
60/F, Central Plaza
18 Harbour Road
Wanchai
Hong Kong
Tel: (852) 2585 3888
Fax: (852) 2802 7638
E-mail: hongkong@eiu.com

Website: www.eiu.com

Việt Nam

Tóm tắt nội dung chính

4. Những điểm nổi bật

Triển vọng tương lai cho năm 2009-10

5. Triển vọng chính trị
6. Triển vọng chính sách kinh tế
7. Dự báo kinh tế

Đánh giá hàng tháng: Tháng 10 / 2008

11. Bối cảnh chính trị
12. Chính sách kinh tế
14. Thành tựu kinh tế

Dữ liệu và biểu đồ

17. Dữ liệu và dự báo hàng năm
18. Dữ liệu hàng quý
19. Dữ liệu hàng tháng
20. Biểu đồ xu hướng hàng năm
21. Biểu đồ xu hướng hàng tháng

Mô tả ngắn về quốc gia

17. Cơ cấu chính trị

Người biên tập: Danny Richards (biên tập viên); Gerard Walsh (tư vấn biên tập)

Ngày hoàn thành: 03 / 10 / 2008

Tất cả các câu hỏi: ĐT: (44.20) 7576 8000 E-mail: london@eiu.com

Báo cáo kế tiếp: theo lịch yêu cầu, e-mail schedule@eiu.com

Tóm Tắt Nội Dung Chính

Những điểm nổi bật

Tháng 10 / 2008

Triển vọng tương lai cho năm 2009 – 2010

- Đảng cộng sản Việt Nam cầm quyền sẽ duy trì sự kiểm soát chặt về quyền lực, bất chấp những lời kêu gọi đa đảng chính trị từ bên ngoài (đặc biệt là những nhóm người Việt Nam ở nước ngoài).
- Thâm hụt ngân sách sẽ khá ổn định trong năm 2008-09, chiếm khoảng 2.3% của GDP. Chính phủ có thể cắt giảm một vài chương trình chi tiêu nhằm hạ nhiệt nền kinh tế, nhưng chi tiêu chính phủ sẽ vẫn duy trì ở mức cao.
- Có một sự quan tâm về việc các nhà hoạch định chính sách sẽ trở nên tự mãn, một lần nữa tập trung vào việc thúc đẩy tăng trưởng hơn là ổn định nền kinh tế. Ngân hàng nhà nước Việt Nam (**SBV, ngân hàng trung ương**) không chắc chắn tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ.
- Do giá thực phẩm và nhiên liệu thế giới giảm trong năm 2009, lạm phát sẽ chậm lại, nhưng áp lực lạm phát từ phía cầu sẽ vẫn còn tồn tại. Vào năm 2010 sự cải thiện trong giá thực phẩm và nhiên liệu thế giới sẽ bảo đảm rằng lạm phát vẫn là một vấn đề kinh tế.
- Tiền đồng sẽ tiếp tục suy yếu trong năm 2009-10, và sẽ có một sự dao động lớn, do SBV sẽ thiết lập một biên độ giao dịch lớn hơn mà tiền đồng được phép dao động mỗi ngày so với đô la Mỹ.
- The Economist Intelligent Unit dự báo rằng tài khoản vãng lai sẽ duy trì thâm hụt vào năm 2009-10. Tuy nhiên, dòng vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (**FDI**) sẽ tiếp tục tăng.

Đánh giá hàng tháng

- Đảng vẫn duy trì sự kiểm soát chặt về quyền lực, nhưng việc giải quyết những tranh cãi liên quan đến quyền sở hữu đất đai gần đây với các nhóm tôn giáo đưa đến giả thuyết là Đảng sẽ tiếp tục dựa vào các biện pháp cứng rắn để ngăn chặn những biểu hiện bất đồng ý kiến trong công chúng.
- Mặc dù chính sách lãi suất được duy trì không thay đổi trong những tháng gần đây, SBV đã tăng lãi suất tiền gửi bắt buộc của các ngân hàng, một bước đi nhằm làm giảm chi phí vốn cho các ngân hàng.
- Vào tháng chín, chính phủ thông báo dự kiến phát hành cổ phiếu lần đầu đối với Ngân hàng Công Thương Việt Nam, một trong ba ngân hàng lớn còn lại, là ngân hàng thương mại cổ phần thuộc sở hữu nhà nước.
- Nền kinh tế đã hoạt động tương đối tốt trong quý 3 năm 2008, với tăng trưởng GDP thực vào khoảng 6.5% so với cùng kỳ năm trước, tăng lên từ 5.8% trong quý 2, những vẫn còn thấp hơn so với tăng trưởng quý 1 là 7.5%.
- Lạm phát giá tiêu dùng đã chậm lại, phần lớn do bởi các nhân tố từ phía cung. Giá tiêu dùng đã tăng chỉ 0.2% so với tháng 09, mức tăng thấp nhất trong vòng 18 tháng.
- Các cam kết FDI đạt đến 57 tỷ đô la Mỹ trong chín tháng đầu năm 2008, tăng gấp năm lần so với các cam kết của cùng kỳ năm trước.

Triển vọng tương lai cho năm 2009-10

Triển vọng chính trị

Hoạt động chính trị trong nước:

Đảng Cộng Sản Việt Nam cầm quyền sẽ duy trì sự kiểm soát chặt về quyền lực trong năm 2009-10, bất chấp những lời kêu gọi đa đảng chính trị từ bên ngoài (đặc biệt là những nhóm người Việt Nam ở nước ngoài). Sẽ tiếp tục có nhóm nhỏ bất đồng quan điểm ở trong nước, nhưng dư luận nói chung vẫn chưa đưa ra bất kỳ những ý muốn xác thực cho sự thay đổi chính trị to lớn. Tuy nhiên, sự ổn định chính trị vẫn không được đảm bảo. Chính phủ hiện tại đang đối mặt với một thách thức nghiêm trọng về năng lực điều hành nền kinh tế, và sự gia tăng nhanh chóng của lạm phát chi phí sống, chính phủ sẽ nỗ lực để ngăn chặn những sự phản đối trên phạm vi nhỏ lẻ. Cũng có một rủi ro xảy ra các cuộc biểu tình lớn nếu các biện pháp của chính phủ để cắt giảm lạm phát trở nên kém hiệu quả hoặc nếu nền kinh tế đi xuống một cách nhanh chóng. Có những sự quan tâm cụ thể về các tác động tiêu cực là giá thực phẩm tăng sẽ tác động lên những hộ gia đình nghèo, mà chi tiêu hầu hết thu nhập của họ cho thực phẩm. Đảng cũng nhận thức sâu sắc rằng sự ổn định xã hội là sống còn nếu nó muốn duy trì sự kiểm soát toàn diện, và do đó nó sẽ tiếp tục đẩy mạnh các kế hoạch chi tiêu nhiều hơn cho phúc lợi xã hội.

Những biện pháp mạnh tay của Đảng gần đây nhằm giải quyết một tranh chấp quyền sở hữu đất đai của nhà thờ Thiên Chúa Giáo ở thủ đô, Hà Nội, đưa đến giả thuyết là nó sẽ tiếp tục dùng các biện pháp cứng rắn để ngăn chặn những bất đồng ý kiến. Theo báo cáo thì có gần 5.000 người ở Hà Nội đã phản đối quyết định của nhà cầm quyền địa phương bắt đầu quy hoạch lại một địa điểm đặc biệt quan trọng đối với nhà thờ. Mặc dù những lời phản đối đã được ngăn lại, có khả năng những phản đối này sẽ tiếp tục nếu Đảng từ chối thực hiện một phương pháp mềm mỏng hơn để thỏa hiệp với các nhóm tôn giáo và nhóm nhỏ những người vô thần. Một vấn đề tiềm tàng khác có thể đe dọa sự kiểm soát chặt về quyền lực của đảng là sự tham nhũng, với việc bộ phận lãnh đạo tiếp tục bị quấy rầy bởi việc phát hiện các vụ hối lộ. Đảng sẽ cần chứng minh là đã có được những tiên tri trong cuộc chiến chống lại tham nhũng để duy trì quyền lực của nó. Các biện pháp trừng trị thẳng tay đang diễn ra đối với các quan chức và doanh nghiệp nhà nước tham nhũng là những dấu hiệu tốt cho thấy rằng chính phủ đang chống lại nạn hối lộ một cách nghiêm túc, nhưng chúng cũng là một dấu hiệu của sự lan tỏa rộng vấn đề tham nhũng.

Đảng cũng đang đối mặt với những tranh chấp nội bộ lớn hơn trong những năm sắp tới. Những vấn đề kinh tế hiện tại của quốc gia và những nguy cơ rối loạn xã hội đã làm suy yếu vị trí của các thành viên có ý tưởng cải cách trong Đảng, bao gồm thủ tướng, Nguyễn Tấn Dũng, trước các thành viên của phe bảo thủ. Nếu chính phủ thất bại trong việc hồi phục sự ổn định kinh tế theo chiều hướng tốt hơn trong năm 2009, hoặc nếu tình hình trở nên xấu hơn, thủ tướng có thể sẽ dễ bị tấn công. Ông Dũng đã nghĩ đến sự thay đổi nét đặc tính truyền thống của Đảng là ban hành chính sách bằng sự nhất trí chung, mà điều này đã làm khó chịu những phe phái trong 185 thành viên của hội đồng trung ương. Có một sự suy đoán đang nảy sinh là Đảng đang dự định tổ chức một kỳ họp giữa kỳ (Đại hội đảng được tổ chức 5 năm một lần và lần kế tiếp sẽ diễn ra vào năm 2011). Nếu điều này xảy ra, Các chính sách và hiệu quả thực thi của ông Dũng sẽ được xem xét rất kỹ lưỡng. Nó có thể sẽ không bất ngờ làm chấm dứt nhiệm kỳ của ông, nhưng nó sẽ làm suy yếu nghiêm trọng các cơ hội của ông để được bầu tiếp tục ở nhiệm kỳ hai.

Các mối quan hệ quốc tế

Việt Nam bắt đầu đóng một vai trò lớn hơn trong các vấn đề quốc tế, phản ánh bằng vị trí của Việt Nam như là một thành viên không thương trực của Hội Đồng Bảo An Liên Hợp Quốc từ

01/01/2008. Chính sách “là bạn của tất cả” của Việt Nam nhằm mục đích to lớn là cải thiện tình hình kinh tế của quốc gia bằng cách gia tăng các liên kết thương mại và đầu tư với bên ngoài, và Việt Nam đã và đang cố gắng giữ các mối quan hệ nhiều phía bằng chủ trương làm đúng theo các nghị quyết của Liên Hợp Quốc trong các cuộc xung đột của các quốc gia Châu Phi. Tuy nhiên, chính phủ bây giờ phát hiện ra rằng trong ngoại giao không thể vừa trở thành quan trọng vừa làm bạn với tất cả mọi người.

Triển vọng chính sách kinh tế

Các xu hướng chính sách

Chính phủ đã lấy lại được lòng tin cho những nỗ lực trong chính sách gần đây nhằm tránh một cuộc khủng hoảng kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, với lạm phát gần như đạt đỉnh và thâm hụt mậu dịch hàng hóa đã được giảm, thì lại có những mối quan tâm về việc các nhà hoạch định chính sách sẽ trở nên tự mãn, với việc chính phủ có khả năng tập trung trở lại với việc làm tăng tốc độ tăng trưởng hơn là ổn định nền kinh tế. Trước đó cũng trong năm nay, chính phủ đã hoàn toàn đồng ý là chính sách thắt chặt là cần thiết, mặc dù điều này chắc chắn sẽ làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, chính phủ bây giờ dường như không muốn duy trì chính sách thắt chặt thêm nữa nhằm làm hạ nhiệt nền kinh tế, vì lo sợ sẽ làm chậm sự phát triển của nền kinh tế mà nhà nước sẽ mất khả năng kiểm soát. Thực vậy, chính phủ nhắm đến mục tiêu tăng trưởng GDP vào khoảng 7% trong năm 2009, và để đạt được điều này nó có thể sẽ áp dụng các biện pháp nới lỏng chính sách tài chính và tiền tệ để đối phó với các tác động tiêu cực bên ngoài làm chậm nền kinh tế. Điều này sẽ hủy hoại các tiến bộ đạt được gần đây nhằm ngăn chặn lạm phát.

Chính sách tài chính

Thâm hụt ngân sách (loại trừ các khoản cho vay) sẽ tương đối ổn định trong năm 2009-10, vào khoảng 2.3% của GDP. Chính phủ có thể cắt giảm một vài chương trình chi tiêu trong nỗ lực nhằm hạ nhiệt nền kinh tế, nhưng chi tiêu chính phủ sẽ vẫn duy trì ở mức cao, vì chính phủ vẫn cam kết xây dựng chương trình cải thiện các phúc lợi xã hội. Mặc dù tăng trưởng GDP sẽ tăng chậm lại trong năm 2009, thu nhập từ thuế sẽ vẫn có xu hướng tăng, với một hệ thống thuế thu nhập cá nhân đã được cải cách (sẽ làm tăng trưởng thu nhập) có hiệu lực thi hành vào năm 2009. Cấu trúc thuế thu nhập mới sẽ mở rộng cơ sở thuế bằng cách tạo ra những lợi ích cũng như là những mức lương có thể đánh thuế được, và sẽ áp dụng cùng mức thuế suất cho người lao động Việt Nam và nước ngoài (ngưỡng đánh thuế cho người lao động nước ngoài sẽ giảm xuống ngang bằng với người lao động địa phương - hiện tại đang cao gấp đôi so với lao động địa phương). Tuy nhiên, Sự gia tăng thu nhập mà chính phủ nhận được trong năm 2007-08 từ sự tăng vọt giá dầu sẽ không lặp lại trong năm 2009, với việc sụt giảm giá dầu thô sẽ làm giảm thu nhập thuế từ lĩnh vực xăng dầu. Tuy nhiên, giá dầu thô sẽ tăng trở lại vào năm 2010, một lần nữa làm gia tăng thu nhập thuế. IMF đã kêu gọi chính phủ tiết kiệm một “phần đáng kể của nguồn thu nhập vượt trội” từ giá dầu tăng những năm gần đây, nhưng thay vào đó chính phủ lại cho thấy là nó dự định dùng nguồn thu nhập này để cải thiện cơ sở hạ tầng và phát triển xã hội.

Chính sách tiền tệ

Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam (SVB, ngân hàng trung ương) nhanh chóng thắt chặt chính sách tiền tệ nửa đầu năm 2008, và bằng cách này nó đã kiềm chế được tốc độ tăng trưởng tín dụng – tín dụng đối với khu vực tư nhân trong tháng sáu thực tế vẫn không thay đổi so với mức tháng năm. Tuy nhiên, không chắc chắn là ngân hàng sẽ có những bước đi tiếp tục nhằm hạ nhiệt nền kinh tế trong những tháng cuối năm 2008 hoặc trong năm 2009, đặc biệt là áp lực lạm phát đã bớt căng thẳng. Mặc dù SBV vẫn duy trì chính sách lãi suất từ tháng sáu, nó đã có những bước đi cho phép ngân hàng gia tăng việc cho vay – nó đã tăng mức lãi suất của các khoản dự trữ bắt buộc của ngân hàng, một bước đi có tác dụng làm giảm chi phí vốn cho các ngân hàng thương mại. Với quan

điểm là một vài ngân hàng dẫn đầu đã bắt đầu hạ lãi suất cho vay với ý định mở rộng cho vay, các áp lực lạm phát cầu kéo về cơ bản sẽ vẫn tồn tại.

Nếu SBV tăng thêm chính sách lãi suất của nó để kiềm chế tăng trưởng tín dụng và hạ nhiệt nền kinh tế, khu vực ngân hàng sẽ bị tác dụng ngược, vì các công ty chủ yếu dựa vào các nguồn tín dụng dễ dàng và giá rẻ sẽ phải thu hẹp hoạt động và có khả năng không thực hiện được các nghĩa vụ thanh toán các khoản vay. Đây là viễn cảnh mà chính phủ sợ xảy ra, và vì thế nó có thể trì hoãn quá trình này cho đến khi nó cảm thấy tin rằng bất cứ những sự điều chỉnh nào trong tương lai là có thể quản lý được.

Dự báo kinh tế

Các giả định quốc tế

Tóm tắt các giả định quốc tế

(% trừ khi có chỉ định khác)

	2007	2008	2009	2010
Tăng trưởng GDP thực				
Thế giới	4.8	3.8	3.2	4.0
Trung Quốc	11.9	9.8	8.5	8.7
EU 27	2.9	1.4	0.8	1.7
Tỷ giá hối đoái				
JPY:USD	117.8	106.0	103.0	98.3
USD:EUR	1.4	1.5	1.4	1.4
SDR:USD	0.65	0.63	0.64	0.65
Các chỉ số tài chính				
JPY lãi suất Gensaki 3 tháng	0.61	0.68	0.88	1.55
USD lãi suất các chứng từ thương mại 3 tháng	5.06	2.30	2.60	3.53
Giá cả hàng hóa				
Dầu (Brent; USD / thùng)	72.7	110.0	91.0	100.0
Vàng (USD / troy oz)	696.7	895.7	848.8	800.0
Thực phẩm, đồ ăn & thức uống (% thay đổi về mặt USD)	30.9	36.7	-1.5	4.0
nguyên liệu thô công nghiệp (% thay đổi về mặt USD)	11.2	3.2	-9.8	1.7

Ghi chú. Đo lường tăng trưởng GDP khu vực bằng cách sử dụng tỷ giá ngang bằng sức mua

The Economist Intelligence Unit dự báo rằng mức tăng trưởng của nền kinh tế thế giới (tính theo ngang bằng sức mua) sẽ tiếp tục chậm lại vào năm 2009, giảm xuống còn 3.2% từ 3.8% trong năm 2008, trước khi tăng lên 4% vào năm 2010. Mức tăng trưởng kinh tế của Hoa Kỳ, thị trường xuất khẩu dẫn đầu của Việt Nam, sẽ chậm lại chỉ vào khoảng 0.5% trong năm 2009, do các tình hình suy thoái trong nước, nhưng sẽ có một vài cải thiện vào năm 2010. Tỷ lệ tăng trưởng chậm lại này của Hoa Kỳ có thể cản trở sự tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam. Tuy nhiên, Châu Á (ngoại trừ Nhật Bản) được dự báo không bị ảnh hưởng bởi sự sụt giảm nhanh chóng, và vì thế nhu cầu trong khu vực sẽ giúp chống đỡ cho tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam. Chúng tôi dự báo giá dầu thô thế giới giảm trung bình năm còn 91 USD / thùng (Brent Blend) vào năm 2009, trước khi tăng trở

lại 100 USD / thùng vào năm 2010. Trong khoảng thời gian giá dầu thế giới tăng cao, Việt Nam được lợi từ nguồn thu nhập gia tăng do xuất khẩu (dầu thô là nguồn thu nhập xuất khẩu chính), nhưng vì đất nước vẫn dựa chủ yếu nhập khẩu các sản phẩm từ dầu, nên giá dầu thế giới gia tăng làm tăng các giá các đơn hàng nhập khẩu và giá nhiên liệu nội địa.

Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản lượng nội địa bởi chi tiêu

(tỷ đồng theo giá cố định 1994 tại những chuỗi số được chỉ định; trường hợp khác thì % thay đổi theo năm)

	2007 ^a	2008 ^a	2009 ^b	2010 ^b
Tiêu dùng cá nhân	292,049 6.7	303,380 3.9	309,707 2.1	319,645 3.2
Tiêu dùng công	29,882 7.5	31,436 5.2	33,007 5.0	35,582 7.8
Đầu tư cố định gộp	160,500 11.0	174,945 9.0	188,591 7.8	207,073 9.8
Cầu nội địa cuối cùng	482,431 8.2	509,761 5.7	531,306 4.2	562,300 5.8
Hàng tồn trữ	10,750 -0.3 ^c	10,200 -0.1 ^c	9,500 -0.1 ^c	9,000 -0.1 ^c
Tổng cầu nội địa	493,181 7.7	519,961 5.4	540,806 4.0	571,300 5.6
Xuất khẩu hàng hóa & dịch vụ	450,542 15.4	515,689 14.5	572,977 11.1	642,720 12.2
Nhập khẩu hàng hóa & dịch vụ	471,520 15.8	550,267 16.7	596,178 8.3	661,683 11.0
Cán cân thanh toán quốc tế	-20,978 -1.0 ^c	-34,578 -2.9 ^c	-23,200 -2.3 ^c	-18,964 -0.8 ^c
GDP	461,466^d 8.5 ^d	489,883 6.2	516,005 5.3	547,337 6.1

^a ước lượng của Economist Intelligence Unit, ^b dự báo của Economist Intelligence Unit, ^c đóng góp cho tăng trưởng GDP thực (tỷ lệ % GDP thực so với năm trước). ^d Thực tế

Chúng tôi dự báo tăng trưởng GDP thực của Việt Nam sẽ giảm còn 5.3% trong năm 2009, mức tăng trưởng thấp nhất trong một thập kỷ qua. Nền kinh tế Việt Nam đã mất một vài sức đẩy trong năm 2008, với GDP thực tăng từ 6.5% trong 3 quý đầu của năm. Trong bối cảnh giảm sút kinh tế của các nước phát triển, đặc biệt là ở Hoa Kỳ, là một đối tác thương mại quan trọng, tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam sẽ suy giảm trong năm 2009. Mặc dù lạm phát dường như đã đạt đỉnh, tiền lương thực tế co lại, và tăng trưởng tiêu dùng cá nhân vì thế chắc chắn sẽ chậm lại trong năm nay. Tăng trưởng tiêu dùng sau đó sẽ khá yếu trong năm 2009-10, với việc tiền lương danh nghĩa tăng không chắc chắn sẽ giữ chân được lạm phát, tạo áp lực lên khả năng cạnh tranh của các nhà xuất khẩu. Tuy nhiên, các nhà đầu tư nước ngoài vẫn còn rất tin tưởng vào triển vọng dài hạn của nền kinh tế Việt Nam, và các cam kết vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) tăng đến 57 tỷ đô la Mỹ trong giai đoạn từ tháng 01 đến tháng 09 năm 2008, gấp 5 lần so với năm ngoái. Mặc dù giải ngân thực tế của FDI sẽ bị cắt giảm do bởi sự giảm sút của nền kinh tế toàn cầu, FDI sẽ vẫn giúp giữ tốc độ tăng trưởng đầu tư tương đối cao. Tăng trưởng nhập khẩu sẽ nhanh trong năm nay (bởi vì những bước tiến nhanh đã được ghi nhận trong nửa đầu năm), nhưng sẽ có một sự sụt giảm tăng trưởng trong năm 2009, phản ánh bằng sự suy yếu của nền kinh tế nội địa, sự giảm giá của tiền đồng, những nỗ lực chính thức nhằm giải quyết sự thâm hụt rộng của tài khoản thương mại hàng hóa. Với dự báo tăng trưởng nhanh của xuất khẩu so với nhập khẩu trong năm 2009-10, cán cân đối ngoại sẽ đóng góp tích cực cho tổng tăng trưởng GDP.

Về phía cung, tăng trưởng kinh tế sẽ tiếp tục dựa vào khu vực công nghiệp. Mặc dù tăng trưởng sản lượng sản xuất sẽ chậm trong năm 2009 cùng với sự suy yếu của cầu nước ngoài, nó sẽ cải thiện vài năm 2010. Sẽ có một sự đào sâu tiếp tục vào cơ sở công nghiệp, cùng với việc quốc gia trở nên ít dựa vào lĩnh vực dệt may và quần áo hơn. Sự mở rộng GDP cũng sẽ được tăng mạnh nhờ sự tăng trưởng trong lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là lĩnh vực dịch vụ tài chính và liên quan đến du lịch.

Lạm phát

Lạm phát giá tiêu dùng dường như đạt đỉnh trên cơ sở hàng năm vào tháng 07, với mức tăng chậm lại trong tháng 08 và tháng 09 bất chấp việc cắt bỏ trợ giá nhiên liệu vào tháng 08. Tuy nhiên, lạm phát vẫn cao, vào khoảng 27.9% vào tháng 09, với giá thực phẩm vẫn tăng vào khoảng 40% trên cơ sở hàng năm. Lạm phát được ước lượng trung bình khoảng 24.9% trong năm nay. Chính sách thắt chặt tiền tệ gần đây sẽ có một vài tác động trong việc hạ nhiệt nền kinh tế, và do giá lương thực và nhiên liệu thế giới giảm trở lại, lạm phát sẽ chậm lại vào năm 2009. Tuy nhiên, lạm phát sẽ vẫn duy trì ở mức hai con số, trung bình 14%. Sự gia tăng giá lương thực và nhiên liệu thế giới trong năm 2010 sẽ làm cho lạm phát vẫn là một vấn đề kinh tế. Tuy nhiên, lạm phát sẽ giảm trở lại một con số, vì áp lực từ phía cầu nước ngoài sẽ suy yếu so với những gì đã xảy ra trong năm 2008.

Tỷ giá hối đoái

Những bước đi của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam nhằm kiểm soát áp lực đi xuống mãnh liệt của tiền đồng so với đô la Mỹ, bị tác động bởi sự tăng nhanh của lạm phát và thâm hụt tài khoản vãng lai đáng kể, dường như đã thành công. Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam đã sử dụng các chính sách khác nhau, bao gồm gia tăng lãi suất, mở rộng kênh trao đổi tiền tệ, các hoạt động thị trường mở và bảo lãnh cho các ngân hàng thương mại sẽ nhận được một lượng đô la Mỹ trong tương lai (ngăn chặn việc tích trữ một lượng lớn đô la Mỹ), mà cùng với nhau chúng đã làm dịu bớt áp lực giảm giá của tiền đồng. Tiền đồng sẽ tiếp tục suy yếu trong năm 2009-10, và sẽ có một sự dao động lớn hơn, vì SBV cho mở rộng hơn các kênh trao đổi mà trong đó tiền đồng được cho phép dao động hàng ngày so với đô la Mỹ.

Khu vực nước ngoài

Chúng tôi dự báo rằng tài khoản vãng lai sẽ vẫn thâm hụt trong năm 2009-10, nhưng thâm hụt sẽ thu hẹp lại so với 13.6% trên GDP trong năm 2008. Các nhà xuất khẩu sẽ đối mặt với sự tăng trưởng chậm chạp của nền kinh tế thế giới, đặc biệt là ở Hoa Kỳ, thị trường xuất khẩu dẫn đầu của Việt Nam. Tuy nhiên, việc xuất khẩu hàng dệt may và nông sản giá rẻ sẽ vẫn tăng trưởng khá, và Việt Nam sẽ thành công trong việc tìm kiếm thị trường mới cho một phạm vi các sản phẩm rộng hơn. Tuy nhiên với xu hướng giá dầu thế giới đưa đến giả thuyết rằng giá trị dầu thô xuất khẩu của Việt Nam sẽ giảm trở lại vào năm 2009, trước khi tăng lên vào năm 2010. Sự gia tăng nhanh chóng gần đây trong thâm hụt tài khoản vãng lai bị tác động chủ yếu bởi xuất khẩu gia tăng, một phần lớn trong số đó dưới hình thức các hàng hóa vốn được bán bởi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FIEs). Với quan điểm là các nhà đầu tư nước ngoài vẫn nhiệt tình thiết lập hoạt động ở quốc gia (Cam kết FDI đã tăng trong những năm gần đây), nhập khẩu hàng hóa vốn sẽ vẫn đáng kể. Tăng trưởng tiêu dùng chậm lại, mặc dù, sẽ làm giảm mức tăng trưởng đối với nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng trong vòng 2 năm tới. Dù dòng vốn FDI có xu hướng tiếp tục gia tăng, vẫn có những mối quan tâm trong một chừng mực nào đó Việt Nam sẽ tài trợ các thâm hụt nước ngoài của nó như thế nào.

Thêm vào sự thâm hụt tài khoản thương mại hàng hóa, các tài khoản thu nhập và dịch vụ vẫn duy trì sự thâm hụt. Mức tăng trưởng mạnh trong lĩnh vực du lịch sẽ phải bù đắp cho sự gia tăng nhập khẩu các dịch vụ thương mại liên quan. Xu hướng gia tăng việc rút thu nhập và lợi nhuận của các

nhà đầu tư nước ngoài sẽ tiếp tục cùng với sự mở rộng các hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Dòng đi vào của chuyển khoản vãng lai có thể bị ảnh hưởng bởi sự giảm sút của nền kinh tế Hoa Kỳ, là ngôi nhà của một số lượng lớn Việt Kiều, và do đó chúng tôi dự báo tổng số sẽ giảm trở lại so với mức tăng cao vào năm 2007. Tuy vậy, thặng dư chuyển khoản vãng lai sẽ đủ bù đắp cho sự kết hợp thâm hụt của các tài khoản thu nhập và dịch vụ trong năm 2009-10

Tóm tắt dự báo

(% trừ khi có chỉ định khác)

	2007 ^a	2008 ^b	2009 ^c	2010 ^c
Tăng trưởng GDP thực	8.5	6.2	5.3	6.1
Tăng trưởng sản lượng công nghiệp	17.0	15.5	14.5	15.5
Tăng trưởng sản lượng nông nghiệp gộp	3.4	3.5	3.0	2.0
Lạm phát giá tiêu dùng (trung bình)	9.0	24.9	14.0	9.6
Lạm phát giá tiêu dùng (cuối năm)	14.4	23.7	11.6	8.4
Lãi suất cho vay	11.2	16.2	15.5	12.1
Cán cân chính phủ (% trên GDP)	-1.6 ^b	-1.7	-2.3	-2.3
Xuất khẩu hàng hóa fob (tỷ USD)	48.6	66.5	72.7	85.1
Nhập khẩu hàng hóa fob (tỷ USD)	58.9	80.3	83.9	94.0
Cán cân tài khoản vãng lai (tỷ USD)	-7.0	-11.2	-9.5	-7.5
Cán cân tài khoản vãng lai (% trên GDP)	-9.9	-13.6	-9.9	-6.8
Nợ nước ngoài (cuối năm; tỷ USD)	21.8 ^b	23.8	24.3	25.3
Tỷ giá hối đoái D:USD (trung bình)	16,179	16,551	16,985	17,294
Tỷ giá hối đoái D:JPY100 (trung bình)	13,737	15,619	16,490	17,602
Tỷ giá hối đoái D:EUR (cuối năm)	23,409	24,033	23,639	23,529
Tỷ giá hối đoái D:SDR (cuối năm)	25,583	26,189	26,487	26,964

^a Thực tế. ^b ước lượng của Economist Intelligence Unit. ^c dự báo của Economist Intelligence Unit

Đánh giá hàng tháng: Tháng 10 / 2008

Bối cảnh chính trị

Nhà cầm quyền mâu thuẫn với nhà thờ thiên chúa giáo liên quan đến tranh cãi đất đai

Đảng cộng sản Việt Nam cầm quyền vẫn duy trì sự kiểm soát chặt về quyền lực, nhưng việc giải quyết những tranh cãi liên quan đến quyền sở hữu đất đai gần đây với các nhóm tôn giáo đưa đến giả thuyết là Đảng sẽ tiếp tục dựa vào các biện pháp cứng rắn để ngăn chặn những biểu hiện bất đồng ý kiến trong công chúng. Tranh cãi đang diễn ra giữa Tòa Tổng Giám Mục Hà Nội, thủ đô, và Ủy Ban nhân dân Thành phố Hà Nội trở nên gay gắt trong tháng 08 – tháng 09, với việc nhà cầm quyền buộc tội các lãnh đạo nhà thờ ủng hộ cho các hoạt động tôn giáo bất hợp pháp bằng cách phản đối lại việc tái xây dựng ở vị trí đã từng thuộc quyền sở hữu của nhà thờ. Căn nguyên của tranh cãi là sự bất đồng đối với việc Tòa Tổng Giám Mục đòi quyền sở hữu của khu đất và một tòa nhà ở Hà Nội. Tòa nhà này có ý nghĩa quan trọng đối với nhà thờ, vì trước đây nó được dùng làm tòa đại sứ của Vatican và cũng từng là nơi cư ngụ của đại sứ giáo hoàng. Nhà cầm quyền Hà Nội đưa ra lý lẽ là khu đất “đã được chuyển giao bởi đại diện nhà thờ vào năm 1961 phù hợp với các chính sách của nhà nước về đất đai”, và họ dự kiến xây dựng một công viên và một thư viện công cộng tại vị trí này.

Vào đầu năm 2008 chính quyền địa phương và các lãnh đạo nhà thờ đã đạt được một thỏa thuận giải quyết vấn đề này một cách thiện chí, với việc nhà thờ đồng ý kêu gọi dừng các hoạt động cầu nguyện thỉnh thoảng bên ngoài tòa nhà, tuy nhiên các tín đồ công giáo một lần nữa vẫn đã tổ chức các buổi cầu nguyện không thường xuyên bên ngoài tòa nhà, gần với trung tâm Hà Nội và văn phòng của tổng giám mục và thánh đường của thành phố. Vào cuối tháng 09 khoảng 5,000 người biểu tình chống lại quyết định của nhà nước bắt đầu tái xây dựng tại địa điểm trên, bao gồm việc sử dụng xe ủi đất. Vào ngày 21 tháng 09, một ngày sau khi tổng giám mục Ngô Quang Kiệt kiến nghị lên Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về vấn đề đất đai, ủy ban đã gửi cho ông một lá thư cảnh cáo “vu khống chính quyền địa phương, coi thường pháp luật và kích động và khuyến khích trực tiếp các hành động vi phạm pháp luật”. Theo các báo cáo của phương tiện truyền thông, trong một vài trường hợp riêng lẻ những người xứ đạo đã nộp đơn kiến nghị chống lại “sự tịch thu bất hợp pháp” của nhà nước với khu đất tại Quận Đống Đa ở Hà Nội; vào giữa tháng 08, một vài người đã xâm phạm vào trong khu vực và đặt các thánh giá và tượng tôn giáo. Chính quyền thành phố đã quyết định lấy lại khu đất và dùng nó để xây dựng một công viên công cộng.

Một cách công khai và hợp pháp, Đảng tôn trọng quyền của (hầu hết) các cá nhân thực hiện các hoạt động tôn giáo mà họ đã lựa chọn. Tuy nhiên, trong thực tế nó tìm cách hạn chế các nhóm tôn giáo có tổ chức bằng số một cách khác nhau, bao gồm cả việc hạn chế số lượng các học sinh trường đạo và gây khó khăn trong việc xây dựng nhà thờ mới. Tranh cãi hiện hữu với tòa tổng giám mục Hà Nội đưa đến giả thuyết là một quan điểm khá cứng gắt đối với vai trò của tôn giáo vẫn còn ảnh hưởng trong Đảng.

Trừng trị thẳng tay tham nhũng giữa các quan chức vẫn tiếp tục

Đảng tiếp tục khẳng định là sẽ thực hiện các nỗ lực đích thực để nhổ tận gốc các quan chức tham nhũng, nhưng vẫn còn chưa chắc chắn về việc các cuộc điều tra nội bộ sẽ đi đến các cấp cao của Đảng hay không. Hơn nữa, rõ ràng là sự lãnh đạo của Đảng vẫn quyết định kiểm soát các quy trình xử lý. Nhân vật gần đây nhất bị đuổi việc là ông Võ Thanh Bình, người gần đây đã bị cách chức Bí Thư tỉnh ủy tỉnh Cà Mau, tỉnh nằm xa nhất ở phía nam. Tại một cuộc họp vào tháng 4 ông Bình giữ 100 triệu đồng (khoảng 6,000 đô la Mỹ) bằng tiền mặt, và nói rằng đây là phần hồi lộ của một ai đó, mà ông ta sẽ không nói tên, nhằm muốn được đề bạt vị trí trong chính quyền địa phương. Trong tháng 09 ông ta bị đuổi việc do “mắc nhiều lỗi vi phạm trong văn phòng, bao gồm

các vi phạm trong việc tuyển dụng”. Hồi lộ để được đề bạt lên vị trí khác được xem là phổ biến, mặc dù các trường hợp này hiếm khi được đưa ra ánh sáng; thu nhập từ tiền lương công chức rất thấp, có thể suy đoán lợi ích từ những vị trí này là chúng tạo ra những cơ hội cho các nguồn thu nhập bất hợp pháp.

Bất chấp những vụ tai tiếng tham nhũng không thường xuyên, tham nhũng ở Việt Nam nói chung dường như không trở nên xấu hơn, và có thể là đang tốt lên. Theo chỉ số nhận thức tham nhũng gần đây nhất, xuất bản bởi Transparency International vào cuối tháng 09, Việt Nam đạt được 2.7 điểm, tăng từ 2.6 trong năm 2007. Chỉ số này chạy từ 0 (rất tham nhũng) cho đến 10 (rất trong sạch); Việt Nam đã được xếp hạng 121 trong 180 quốc gia, tăng lên từ vị trí 123 trong năm 2007. Bằng phương pháp đánh giá này, Việt Nam được xem là tham nhũng hơn so với Trung Quốc và Thái Lan, nhưng vẫn nhỉnh hơn so với Indonesia, Philippines, Lao và Cambodia. Chỉ số dựa trên dữ liệu từ các cuộc khảo sát các chuyên gia và các doanh nhân.

Chính sách kinh tế

SBV giữ chính sách lãi suất 14% nhưng giúp đỡ các ngân hàng cắt giảm lãi suất

Sau khi đã tăng chính sách lãi suất ba lần trong vòng sáu tháng đầu năm, từ 8.25% trong tháng giêng lên 14% trong tháng sáu, ngân hàng nhà nước Việt Nam (SBV, ngân hàng trung ương) từ đó đã giữ cho lãi suất không thay đổi. Tuy nhiên, bắt đầu có hiệu lực từ ngày một tháng mười, SBV nâng mức lãi suất mà nó trả cho các khoản dự trữ bắt buộc của các ngân hàng từ 3.6% lên 5% một năm, một bước đi nhằm làm giảm chi phí vốn cho các ngân hàng. Trước đó trong năm, lãi suất phải trả cho khoản dự trữ bắt buộc đã được nâng lên từ 1.2% đến 3.6%. Bằng cách nâng mức lãi suất này, SBV cho phép các ngân hàng chuyển một phần lợi nhuận thu được cho các khách hàng của họ dưới hình thức tăng lãi suất tiền gửi hoặc giảm lãi suất cho vay. Thực ra, mặc dù ngân hàng trung ương đã vẫn duy trì chính sách lãi suất của nó trong những tháng gần đây, các ngân hàng thương mại đã bắt đầu cắt giảm lãi suất cho vay. Vào cuối tháng 09 Ngân hàng Việt Á giảm mức lãi suất kỳ hạn 1 tuần từ 17.2% còn 15.8%; Eximbank đã cắt giảm tương đương; và Ngân hàng thương mại Sài Gòn (Sacombank) đã giảm lãi suất tiền gửi kỳ hạn ba đến năm ngày từ 8.4% còn 4.8%.

Thông đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam, Nguyễn Văn Giàu, mặc dù, đã lặp lại rằng chính quyền vẫn tập trung vào việc kìm hãm lạm phát và kiểm soát tăng trưởng tín dụng nội địa. Họ đã đạt được một vài thành công đối với mục tiêu sau, với mức tín dụng hiện tại đối với khu vực tư nhân vẫn không thay đổi lớn trong tháng 06 so với mức của tháng 05 (mặc dù, so sánh với mức tín dụng vào tháng 06 năm 2007, thì tín dụng đã tăng trưởng 54% mỗi năm). Tuy nhiên, tăng trưởng tín dụng chậm trong những tháng gần đây có thể không duy trì được liên tục, các ngân hàng trong nước một lần nữa dường như muốn gia tăng việc cho vay. Một vài ngân hàng trong nước, bao gồm Eximbank, Ngân hàng thương mại Á Châu (ACB) và Agribank, gần đây tuyên bố rằng sẽ tăng thêm tiền để cho vay. Sacombank đã tuyên bố là sẽ lại tiếp tục cho vay để mua cổ phiếu, mặc dù những khoản vay này sẽ bị giới hạn ở mức 40% trên giá trị trường của chứng khoán thay vì 70%, như đã từng được áp dụng vào một năm về trước.

Chính phủ dự tính thực hiện phát hành cổ phiếu lần đầu đối với một ngân hàng nhà nước khác

Bất chấp những vấn đề liên quan đến việc cổ phần hóa (tư nhân hóa một phần) Vietcombank, một ngân hàng thương mại lớn, vào cuối năm ngoái, chính phủ vẫn hướng tới phía trước để thực hiện một bước đi tương tự. Vào tháng chín chính phủ thông báo là dự tính tiến hành thực hiện bán cổ phiếu lần đầu (IPO) đối với Vietinbank, một trong ba ngân hàng lớn còn lại, là ngân hàng thương mại thuộc sở hữu hoàn toàn của nhà nước (SOCBs) và là người cho vay lớn thứ tư trong

nước. Theo thỏa thuận, Vietinbank được phát hành 20% cổ phần, với một nửa trong số đó cho phép bán cho các nhà đầu tư nước ngoài. Ngân hàng vẫn cần đệ trình giá bán ban đầu đề nghị để IPO. Việc này sẽ là một phép thử quyết định của các bài học cho dù bài học từ những lần IPO các doanh nghiệp nhà nước (SOEs) trước đó có được tiếp thu hay không, khi giá cổ phiếu đã được định giá quá cao. Trong lần IPO Vietcombank vào tháng 12 năm 2007 các nhà đầu tư đã trả trung bình 107,806 đồng (6.74 đô la Mỹ) cho một cổ phiếu, xấp xỉ gấp đôi so với giá cổ phiếu hiện tại. Ngân hàng đã đặt giá bán tối thiểu là 100,000 đồng trên một cổ phiếu và hy vọng sẽ bán được một cổ phiếu với giá 150,000 đồng hoặc hơn – theo tiêu chí này, IPO đã là một sự thất vọng. Vietcombank vẫn phải hoàn thành các thủ tục cổ phần hóa của nó, vì nó vẫn chưa niêm yết cổ phiếu của nó trên thị trường chứng khoán.

Kế hoạch của chính phủ là cổ phần hóa từng phần các ngân hàng thương mại nhà nước là một phần của một nỗ lực tổng thể nhằm cải cách hệ thống ngân hàng. Các bước đi khác, cùng với các cam kết đối với Tổ Chức Thương Mại Thế Giới, bao gồm cho phép các ngân hàng nước ngoài hoạt động như một thực thể nội địa. Những thay đổi về luật pháp trong năm 2007 đã mở đường cho việc thành lập các chi nhánh ngân hàng 100% vốn nước ngoài, và trong tháng chín năm 2008 hai ngân hàng nước ngoài, HSBC và Standard Chartered (đều của Anh), nhận được giấy phép thành lập cho phép hoạt động như trên. Hai ngân hàng này đã là những người chơi chính trong lĩnh vực ngân hàng. Standard Chartered, giữ 15% cổ phần của ACB, lên kế hoạch mở 20 đến 30 chi nhánh mới trong những năm kế tiếp; HSBC thì đang nâng số cổ phần của nó tại ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam lên 20% và cũng sở hữu 10% cổ phần của Bảo Việt, công ty bảo hiểm nội địa lớn nhất.

EVN từ chối đảm nhận các dự án năng lượng

Đang phát sinh một vài mối quan tâm đến khả năng cung cấp đầy đủ năng lượng của Việt Nam, công ty điện lực thuộc sở hữu nhà nước, Điện Lực Việt Nam (EVN), đã tuyên bố rằng là sẽ không đảm nhận 13 dự án nhiệt điện với tổng công suất 13,000 mw, và nó đang “trả lại” các dự án này cho chính phủ. Xem ra thì có ba lý do chính tại sao EVN dễ dàng từ bỏ các dự án năng lượng này, với các quy mô khác nhau từ 600 mw đến 1,200 mw. Lý do quan trọng nhất là nó không thể nhận đủ nguồn tài trợ tài chính. Các ngân hàng thương mại đặc biệt quan tâm đến giá điện hiện tại thì quá thấp cho phép EVN có thể thanh toán các khoản nợ, và vấn đề sẽ càng trầm trọng thêm do bởi EVN sẽ không được phép tăng giá điện ngay cả trong tình hình lạm phát. EVN cũng đã trì hoãn cổ phần hóa 11 công ty con mà lẽ ra đã được niêm yết vào thời điểm hiện nay, đổ lỗi cho sự suy giảm của thị trường chứng khoán. Thêm vào đó, EVN đang thiếu các nhân viên kỹ thuật, có kinh nghiệm chính về thủy điện, sẽ kéo dài việc giám sát các dự án mới này. EVN cũng được tin là quan tâm đến việc dựa quá nhiều vào than để tạo ra điện, bởi vì vào năm 2010 quốc gia sẽ cần nhập khẩu than để vận hành các nhà máy điện của nó.

Sự từ chối của EVN đã tạo ra một sự tranh cãi về vai trò thực tế của các doanh nghiệp nhà nước. Bộ Công Nghiệp và Thương Mại tin rằng EVN là công ty có đủ năng lực nhất đảm nhận các dự án, và là một doanh nghiệp nhà nước thì nó không có sự lựa chọn là từ chối chúng. Petro Việt Nam, một công ty xăng dầu nhà nước, đã yêu cầu được phép thực hiện 13 dự án này.

Trong ngắn hạn, nguồn cung điện sẽ chỉ đủ đáp ứng nhu cầu, đang tăng trên 12% hằng năm. Vào cuối năm EVN sẽ cho đi vào hoạt động 10 nhà máy điện nữa với tổng công suất 3,000 mw. Thậm chí điều này có thể là không đủ để tránh một sự thâm hụt điện năng ở miền bắc của đất nước vào mùa khô năm 2009; Bộ công nghiệp và thương mại ước tính sẽ thiếu hụt 200 triệu kwh. Tổng nhu cầu điện trong năm 2009 dự kiến đạt 87 tỷ kwh.

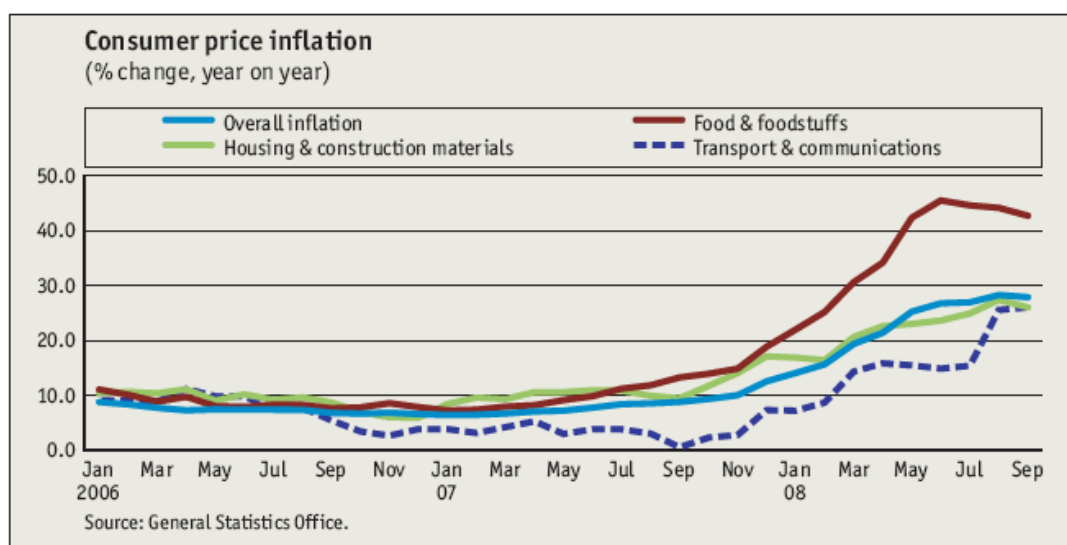
Thành tựu kinh tế

GDP thực cải thiện trong quý ba năm 2008

Nền kinh tế đã vận hành tương đối tốt trong quý ba năm 2008, với tăng trưởng GDP thực khoảng 6.5% so với cùng kỳ năm trước, tăng từ 5.8% trong quý hai, nhưng vẫn giảm so với mức tăng trưởng 7.5% trong quý một và 8.5% trong cả năm 2007. Nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp tăng 4.8% trong quý ba, một sự cải thiện rõ rệt khi so sánh với hai quý trước đó (khi tăng trưởng trung bình vào khoảng 3.3%). Thành tựu vững chắc này một phần là do bởi vụ mùa thu hoạch lúa cao. Công nghiệp (loại trừ xây dựng) cũng được ghi nhận có một sự cải thiện, công bố tăng trưởng đạt 9.7% trong quý ba, tăng từ 7.9% trong quý hai và 8.7% trong quý một. Tăng trưởng trong lĩnh vực sản xuất trong quý ba giảm xuống 11.9%, từ 12.4% trong quý hai, nhưng các nhà sản xuất hàng dệt may vẫn tiếp tục công bố mức tăng trưởng sản lượng tốt. Sản lượng dầu thô tiếp tục giảm, và tổng khu vực khai thác mỏ trong quý ba giảm 4.1% so với cùng kỳ năm trước. Lĩnh vực xây dựng cũng vẫn ảm đạm, giảm 1.9% trong quý ba so với cùng kỳ năm trước. Tình hình hoạt động kém này phản ánh tình trạng xấu đối với thị trường bất động sản đã trở nên quá nóng bắt nguồn từ các tác động tăng giá nguyên vật liệu và mức lãi suất cao. Tăng trưởng dịch vụ chậm lại, với mức tăng so với cùng kỳ năm trước vào khoảng 6.6% trong quý ba, giảm từ 7% trong quý hai và 8.3% trong quý một. Điều này phần lớn phản ánh mức tăng trưởng chậm chạp trong lĩnh vực bán sỉ và bán lẻ (tăng 4.7% trong quý ba), và khách sạn và nhà hàng (5.1%).

Lạm phát chậm lại trên cơ sở hàng tháng

Lạm phát giá tiêu dùng đã chậm lại, phần lớn là do các nhân tố từ phía cung. Giá tiêu dùng đã tăng chỉ 0.2% so với tháng trước trong tháng chín, mức tăng chậm nhất trong vòng 18 tháng. Lạm phát so với cùng kỳ năm trước giảm một ít còn 27.9%, từ 28.3% trong tháng 08, và tính trung bình chín tháng đầu năm 2008 là 22.8%. Cũng giống như sự gia tăng mức lạm phát hồi đầu năm nay phần lớn là do tăng giá thực phẩm và vật liệu xây dựng, mức giảm lạm phát gần đây so với tháng trước đã được tiếp sức mạnh bởi giá thực phẩm và vật liệu xây dựng giảm. Giá thực phẩm giảm vào khoảng 1.8% trong tháng chín trên cơ sở so sánh hàng tháng, nhưng vẫn tăng 65% so với năm trước. Giá nhà và vật liệu xây dựng trong tháng chín rút xuống còn khoảng 0.6% so với tháng trước, nhưng vẫn còn cao so với năm trước, tăng khoảng 26%. Giá vận tải và viễn thông trong tháng chín tăng chỉ 0.8% so với tháng trước, nhưng giá bán lẻ nhiên liệu vẫn còn ở mức cao (mặc dù có sự giảm nhẹ hơn so với tháng rồi) tăng lên 26% trên cơ sở giá so sánh năm đối với loại hàng này.



Các doanh nghiệp vẫn lạc quan, trong khi đó FDI tăng cao

Mặc dù lạm phát cao, tăng trưởng GDP chậm và thâm hụt thương mại gia tăng, các doanh nghiệp vẫn lạc quan về tương lai của Việt Nam. Trong một cuộc khảo sát 300 công ty gần đây thực hiện bởi Phòng Công Nghiệp và Thương Mại Việt Nam, 42% đã cho rằng nền kinh tế Việt Nam “vẫn ổn định”, và 31% đã nói là nền kinh tế sẽ cải thiện vào những tháng cuối năm 2008. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là những doanh nghiệp lạc quan nhất: 82% đã nghĩ là nền kinh tế sẽ ổn định và tăng trưởng.

Mặc dù các doanh nghiệp vẫn lạc quan, môi trường hoạt động kinh doanh vẫn khó khăn, trong báo cáo mới nhất của Ngân hàng Thế Giới về “thực hiện kinh doanh” xếp Việt Nam ở thứ hạng 92 trên 181 quốc gia trong bảng xếp hạng năm 2009, rớt xuống từ vị trí 87 trong bảng xếp hạng năm 2008. Sự sụt hạng này chủ yếu là do sự tiến bộ của những quốc gia khác, hơn là do sự giảm sút trong môi trường kinh doanh của Việt Nam. Tuy nhiên, trong thực tế Việt Nam lại không đạt: ở Đan Mạch chỉ mất một ngày và một thủ tục để thành lập một công ty; ở Việt Nam phải cần đến 11 thủ tục và mất 50 ngày. Việt Nam được xếp hạng 170 về “bảo vệ nhà đầu tư”, và hạng 140 về sự dễ dàng trong thanh toán thuế.

Bất chấp những yếu kém trên, các nhà đầu tư nước ngoài vẫn hăm hở thành lập và mở rộng hoạt động ở quốc gia. Các cam kết về vốn đầu tư trực tiếp (FDI) tăng vọt đến 57 tỷ đô la Mỹ trong chín tháng đầu năm 2008. Đây là một con số khổng lồ theo các tiêu chuẩn của Việt Nam, gần tương đương với GDP và tăng lên gấp năm lần so cùng kỳ năm ngoái. Các công ty Malaysia là các nhà đầu tư dẫn đầu, với 37 dự án với tổng giá trị 14.9 tỷ đô la Mỹ, vượt xa so với các công ty từ Đài Loan, Nhật Bản, Brunei và Canada. Mức tăng trưởng nhanh trong các cam kết FDI phản ánh sự phát triển các dự án lớn liên quan đến việc xây dựng các nhà máy thép, lọc dầu và khu dân cư. Số lượng FDI đã được giải ngân trong chín tháng đầu năm 2008 đạt 8.1 tỷ đô la Mỹ, tăng 37% so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường bất động sản đang có dấu hiệu hồi phục

Có một vài bằng chứng cho thấy là thị trường bất động sản ở Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố thương mại chính của quốc gia, đang hồi phục từ tình trạng trì trệ. Tiền cho thuê các căn hộ cao cấp không còn tiếp tục giảm, và một sự thiếu hụt các căn hộ này có thể sớm phát sinh. Có một sự không chắc chắn đối với bất động sản thương mại; tiền thuê phải trả cho các văn phòng “Loại A” hiện tại đang cao hơn so với các thành phố chính khác trong khu vực, như là Bangkok ở Thái Lan, Jakarta ở Indonesia và Kuala Lumpur ở Malaysia, đưa đến dự đoán là giá sẽ còn giảm. Tuy nhiên, nguồn cung các văn phòng mới loại A thì nghèo nàn, và cầu thì dự kiến sẽ tăng cùng với sự nổi lên của các nguồn đầu tư nước ngoài.

Trong một bước đi nhằm giúp hỗ trợ cho sự hồi phục của thị trường bất động sản, Ủy ban Quốc Gia về người Việt Nam ở nước ngoài đã đề nghị sửa đổi luật nhà ở để người Việt Nam ở nước ngoài (Việt Kiều) có thể mua nhà ở Việt Nam dễ dàng hơn. Việc mua nhà này đã được cho phép vào năm 2001, nhưng chỉ có 130 Việt Kiều đã mua nhà (một cách chính thức) theo các quy định này. Các thay đổi được đề nghị sẽ cho phép được mua nhà đối với bất cứ Việt Kiều nào còn mang quốc tịch Việt Nam, hoặc đối với những Việt Kiều đầu tư vào quốc gia, cưới cư dân địa phương, giữ các bằng đại học hoặc có “những đóng góp đáng kể” cho Việt Nam. Trên thực tế, nhiều Việt Kiều đã mua bất động sản ở Việt Nam thông qua các thành viên trong gia đình của họ, nhưng họ vẫn thận trọng với việc đăng ký bất động sản dưới tên của họ, một phần là do băn khoăn về thuế.

Tăng trưởng xuất khẩu đi nhanh hơn so với nhập khẩu

Bất chấp những bước tăng trưởng doanh thu xuất khẩu nhanh hơn khi so sánh với nhập khẩu, tài khoản thương mại hàng hóa vẫn duy trì thâm hụt trong tháng chín, khoản 500 triệu đô la Mỹ, theo

ước tính của Tổng Cục Thống Kê. Với kết quả này, thâm hụt chín tháng đầu năm 2008 đạt 15.8 tỷ đô la Mỹ. Doanh thu xuất khẩu trong tháng chín tăng 39% so với cùng kỳ năm trước đạt 5.3 tỷ đô la Mỹ, đưa tổng cộng chín tháng đầu năm đạt 48.6 tỷ đô la Mỹ, tăng 39% so với năm trước. Việc tăng giá các mặt hàng xuất khẩu chính của quốc gia, đặc biệt là dầu thô, than, gạo, và cà phê, đóng góp nhiều cho việc mở rộng thu nhập gần đây. Xuất khẩu dầu thô từ tháng giêng đến tháng chín tăng 52% so với cùng kỳ năm trước, đạt 8.8 tỷ đô la Mỹ. Xuất khẩu hàng dệt may cũng có thành tích tốt, tăng khoảng 20% đạt 6.8 tỷ đô la Mỹ. Xuất khẩu sang Hoa Kỳ tăng 17% trong chín tháng đầu năm, đạt 8.5 tỷ đô la Mỹ, trong khi đó xuất khẩu đến các quốc gia bạn của Việt Nam trong Hiệp Hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) tăng 17% đạt 8.5 tỷ đô la Mỹ. Xuất khẩu đến các thị trường chủ yếu khác cũng tăng mạnh: đến EU tăng 21% đạt 7.8 tỷ đô la Mỹ, đến Úc tăng 67% đạt 3.5 tỷ đô la Mỹ, và đến Trung Quốc tăng 43% đạt 3.3 tỷ đô la Mỹ.

Nhập khẩu trong tháng chín tăng 17.2% so với cùng kỳ năm trước, đạt 5.8 tỷ đô la Mỹ, một mức tăng khá chậm so với những tháng trước. Giá trị nhập khẩu từ tháng giêng đến tháng chín đạt 64.4 tỷ đô la Mỹ, tăng 48% so với cùng kỳ. Phản ánh một sự mở rộng trong đầu tư, nhập khẩu máy móc, thiết bị, công cụ và phụ tùng thay thế tăng 35% trong khoảng thời gian từ tháng giêng đến tháng chín đạt 10.5 tỷ đô la Mỹ. Do giá thế giới tăng, nhập khẩu dầu hỏa trong thời điểm này tăng lên đến 82.9% so với cùng kỳ đạt 9.8 tỷ đô la Mỹ, trong khi đó nhập khẩu thép tổng cộng 5.7 tỷ đô la Mỹ, tăng 68% so với cùng kỳ năm trước. Nhập khẩu từ ASEAN đạt 15.7 tỷ đô la Mỹ, tăng 70%, trong khi nhập khẩu từ Trung Quốc đạt 12 tỷ đô la Mỹ, tăng gần 45% so với cùng kỳ.

Dữ Liệu và Biểu Đồ

Dữ liệu và dự báo hàng năm

	2004 ^a	2005 ^a	2006 ^a	2007 ^a	2008 ^b	2009 ^c	2010 ^c
GDP							
GDP danh nghĩa (tỷ US\$)	45	53	61	71	82	96	110
GDP danh nghĩa (tỷ đồng)	715,307	839,211	974,266	1,144,020	1,359,898	1,633,950	1,903,165
Tăng trưởng GDP thực (%)	7.8	8.4	8.2	8.5	6.2	5.3	6.1
Chỉ tiêu trên GDP (% thay đổi thực)							
Tiêu dùng cá nhân	7.1	7.5	7.3	6.7 ^b	3.9	2.1	3.2
Tiêu dùng chính phủ	7.8	7.9	8.8	7.5 ^b	5.2	5.0	7.8
Đầu tư cố định gộp	10.4	9.8	8.6	11.0 ^b	9.0	7.8	9.8
Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ	25.7	20.5	17.2 ^b	15.4 ^b	14.5	11.1	12.2
Nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ	21.9	15.9	14.6 ^b	15.8 ^b	16.7	8.3	11.0
Nguồn gốc của GDP (% thay đổi thực)							
Nông nghiệp	4.4	4.0	3.4	3.4	3.5	3.0	2.0
Công nghiệp	10.3	10.7	10.4	10.6	7.0	7.0	9.0
Dịch vụ	7.3	8.5	8.3	8.7	6.5	4.6	4.7
Dân số và thu nhập							
Dân số (triệu)	82.7	83.8	84.9 ^b	85.9 ^b	87.0	88.1	89.2
GDP trên đầu người (US\$ theo ngang bằng sức mua)	1,931 ^b	2,126 ^b	2,345 ^b	2,579 ^b	2,788	2,990	3,202
Thất nghiệp ghi nhận (trung bình; %)	5.6	5.3	4.8	4.3 ^b	4.3	4.5	4.2
Các chỉ số tài chính (% trên GDP)							
Cán cân chính phủ trung ương	0.9	-1.2	-0.3	-1.6 ^b	-1.7	-2.3	-2.3
Nợ công ròng	42.7	44.0	43.3 ^b	42.0 ^b	39.9	38.0	37.0
Các chỉ số giá và tài chính							
Tỷ giá hối đoái D:USD (cuối kỳ)	15,777	15,916	16,054	16,030	16,806	17,129	17,429
Tỷ giá hối đoái D:EUR (cuối kỳ)	21,359	18,775	21,186	23,409	24,033	23,639	23,529
Giá tiêu dùng (cuối kỳ; %)	9.7	8.6	6.6	14.4	23.7	11.6	8.4
Dữ trữ tiền M1 (% thay đổi)	26.1	22.2	20.7	48.9	-13.3	6.9	16.5
Dữ trữ tiền M2 (% thay đổi)	31.1	30.9	29.7	49.1	12.3	27.3	20.5
Lãi suất cho vay (trung bình; %)	9.7	11.0	11.2	11.2	16.2	15.5	12.1
Tài khoản vãng lai (triệu USD)							
Cán cân thương mại	-2,287	-2,439	-2,776	-10,360	-13,781	-11,267	-8,909
Hàng hóa: xuất khẩu fob	26,485	32,447	39,826	48,561	66,516	72,654	85,107
Hàng hóa: nhập khẩu fob	-28,772	-34,887	-42,602	-58,921	-80,297	-83,921	-94,017
Cán cân dịch vụ	-872	-296	-8	-894	-1,362	-1,595	-2,492
Cán cân thu nhập	-891	-1,205	-1,429	-2,168	-1,868	-2,047	-2,289
Cán cân chuyển khoản vãng lai	3,093	3,380	4,049	6,430	5,828	5,381	6,155
Cán cân tài khoản vãng lai	-957	-560	-164	-6,993	-11,182	-9,529	-7,535
Nợ nước ngoài (triệu USD)							
Nợ tồn đọng	18,049	19,212	20,202	2,1831 ^b	23,784	24,310	25,297
Nợ đã thanh toán	787	957	918	944 ^b	1,029	1,224	1,252
Vốn gốc	430	519	464	533 ^b	570	682	693
Lãi	357	438	454	411 ^b	459	542	559
Dự trữ quốc tế (triệu USD)							
Tổng cộng dự trữ quốc tế	7,186	9,217	13,591	23,872	23,086	23,830	25,869

^a Thực tế. ^b ước lượng của Economist Intelligence Unit, ^c dự báo của Economist

Intelligence Unit

Nguồn: IMF, Thống kê tài chính quốc tế

Dữ liệu hàng Quý

	2006	2007				2008		
	Quý 4	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Quý 1	Quý 2	Quý 3
Giá								
Giá tiêu dùng (2000=100)	136.0	140.1	142.7	147.5	152.9	165.7	177.5	189.4
Giá tiêu dùng (% thay đổi, so sánh năm))	6.7	6.5	7.4	9.7	12.4	18.3	24.4	28.4
Các chỉ số giá và tài chính								
Tỷ giá hối đoái D:USD (trung bình)	16,077	16,356	16,070	16,206	16,084	15,947	16,252	16,666
Tỷ giá hối đoái D:USD (cuối kỳ)	16,054	16,024	16,125	16,105	16,030	15,898	16,490	16,596
Lãi suất tiền gửi (trung bình;%)	7.7	7.7	7.6	7.4	7.3	9.1	13.8	n/a
Lãi suất cho vay (trung bình;%)	11.2	11.2	11.2	11.2	11.2	12.3	16.6	n/a
Lãi suất tái tài trợ (cuối kỳ;%)	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	7.5	15.0	n/a
Lãi suất trái phiếu chính phủ ngắn hạn (trung bình;%)	3.4	3.6	4.1	4.8	n/a	n/a	n/a	n/a
M1 (cuối kỳ;tỷ đồng)	292,215	317,329	334,442	352,754	435,168	396,105	342,095	n/a
M1 (% thay đổi, so sánh năm)	20.7	31.3	40.4	49.2	48.9	24.8	2.3	n/a
M2 (cuối kỳ;tỷ đồng)	841,011	949,181	1,029,562	1,110,983	1,253,998	1,300,249	1,295,492	n/a
M2 (% thay đổi, so sánh năm)	29.7	35.6	41.6	47.5	49.1	37.0	25.8	n/a
Ngoại thương (triệu đô la Mỹ)								
Xuất khẩu fob	10,133	10,565	11,901	12,319	13,528	13,160	15,750	n/a
Nhập khẩu cif	-11,591	-12,277	-14,783	-15,537	-18,100	-21,510	-22,650	n/a
Cán cân thương mại	-1,458	-1,712	-2,882	-3,218	-4,572	-8,350	-6,900	n/a
Thanh toán nước ngoài (triệu đô la Mỹ)								
Cán cân thương mại hàng hóa	-1,073.0	-974.0	-2,047.0	-2,298.0	-5,041	n/a	n/a	n/a
Cán cân dịch vụ	51	-142	-284	-209	-259	n/a	n/a	n/a
Cán cân thu nhập	-301	-400	-803	-387	-578	n/a	n/a	n/a
Thanh toán chuyển khoản ròng	1,572	1,564	1,774	1,473	1,619	n/a	n/a	n/a
Cán cân tài khoản vãng lai	249	47	-1,360	-1,421	-4,259	n/a	n/a	n/a
Dự trữ loại trừ vàng (cuối kỳ)	13,384	18,317	20,793	22,575	23,602	25,049	20,979	n/a

Nguồn: IMF, Thống kê tài chính quốc tế

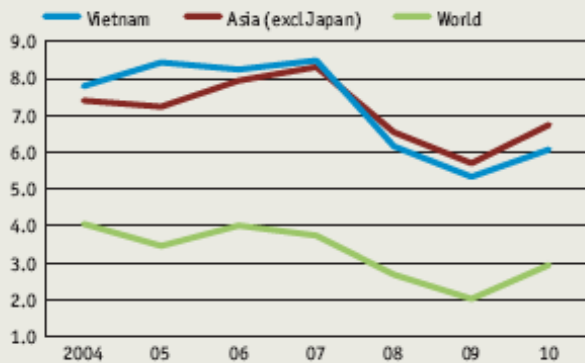
Dữ liệu hàng tháng

	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
Tỷ giá hối đoái D:USD (trung bình)												
2006	15,924	15,924	15,914	15,930	15,973	15,989	15,997	16,011	16,038	16,065	16,093	16,073
2007	16,061	15,994	16,012	16,039	16,062	16,109	16,139	16,240	16,239	16,109	16,093	16,051
2008	16,016	15,940	15,731	16,126	16,171	16,490	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a
Tỷ giá hối đoái D:USD (cuối kỳ)												
2006	15,922	15,910	15,927	15,934	15,959	15,996	16,007	16,014	16,055	16,083	16,089	16,054
2007	16,036	15,990	16,024	16,047	16,087	16,125	16,147	16,270	16,105	16,100	16,070	16,030
2008	16,005	15,750	16,125	16,175	16,246	16,842	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a
Cung tiền M1 (% thay đổi, so sánh năm)												
2006	29.8	18.2	24.4	21.5	23.1	22.0	23.9	22.7	17.6	18.7	20.5	20.7
2007	16.2	35.4	31.3	35.7	37.4	40.4	43.1	41.9	49.2	55.4	53.7	48.9
2008	56.8	35.3	24.8	17.7	10.9	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a
Cung tiền M2 (% thay đổi, so sánh năm)												
2006	34.6	32.5	35.4	33.8	34.1	33.5	34.1	32.7	30.3	30.4	30.6	29.7
2007	28.8	34.0	35.6	39.0	40.6	41.6	43.7	43.2	47.5	50.5	49.8	49.1
2008	48.2	41.4	37.0	30.5	29.1	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a
Lãi suất tiền gửi (trung bình; %)												
2006	7.5	7.7	7.7	7.7	7.5	7.7	7.7	7.7	7.7	7.7	7.7	7.7
2007	7.7	7.7	7.7	7.7	7.7	7.4	7.4	7.4	7.4	7.4	7.2	7.2
2008	7.2	9.0	11.2	11.5	13.3	16.6	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a
Lãi suất cho vay (trung bình; %)												
2006	11.2	11.2	11.2	11.2	11.2	11.2	11.2	11.2	11.2	11.2	11.2	11.2
2007	11.2	11.2	11.2	11.2	11.2	11.2	11.2	11.2	11.2	11.2	11.2	11.2
2008	11.2	11.2	14.6	14.3	16.5	19.1	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a
Giá tiêu dùng (trung bình; % thay đổi, so sánh năm)												
2006	8.8	8.3	7.8	7.2	7.4	7.4	7.4	7.3	6.8	6.7	6.8	6.6
2007	6.5	6.5	6.7	7.1	7.2	7.8	8.4	10.3	10.5	11.0	11.8	14.4
2008	15.9	17.5	21.4	23.3	27.2	28.8	29.1	28.3	27.9	n/a	n/a	n/a
Xuất khẩu hàng hóa fob (triệu đô la Mỹ)												
2006	3,065	2,404	3,100	3,200	3,200	3,400	3,500	3,674	3,378	3,343	3,290	3,500
2007	3,759	2,925	3,881	3,650	4,066	4,185	4,278	4,313	3,728	4,280	4,548	4,700
2008	4,911	3,415	4,834	5,088	5,150	5,500	6,250	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a
Nhập khẩu hàng hóa cif (triệu đô la Mỹ)												
2006	2,599	2,714	3,200	3,500	3,600	4,000	4,050	4,151	3,968	3,845	3,746	4,000
2007	4,331	3,468	4,478	4,493	5,279	5,011	5,239	5,335	4,963	5,630	6,170	6,300
2008	7,198	6,194	8,118	8,307	8,000	6,800	7,050	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a
Cán cân thương mại fob-cif (triệu đô la Mỹ)												
2006	466	-310	-100	-300	-400	-600	-550	-477	-590	-502	-456	-500
2007	-572	-543	-597	-843	-1,213	-826	-961	-1,022	-1,235	-1,350	-1,622	-1,600
2008	-2,287	-2,779	-3,284	-3,219	-2,850	-1,300	-800	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a
Dự trữ ngoại hối loại trừ vàng (triệu đô la Mỹ)												
2006	9,993	10,199	10,742	11,180	11,391	11,293	11,357	11,684	11,904	12,015	12,291	13,384
2007	15,265	16,967	18,317	19,300	20,267	20,793	21,701	21,925	22,575	23,036	23,509	23,602
2008	24,467	26,328	25,049	23,464	22,175	20,979	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a

Nguồn: IMF, Thống kê tài chính quốc tế; phân tích Haver

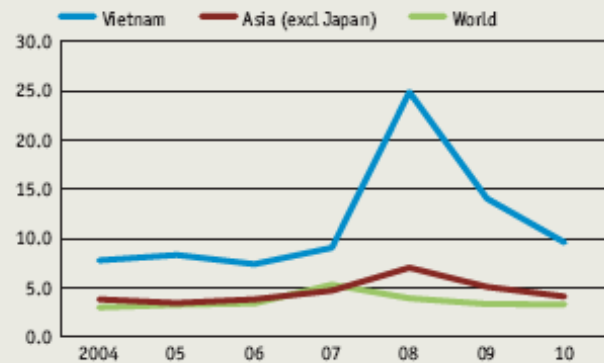
Biểu đồ xu hướng hàng năm

Tăng trưởng GDP thực
(% thay đổi)



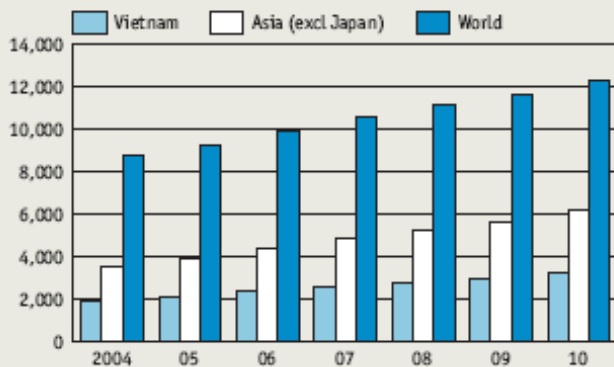
Source: Economist Intelligence Unit.

Lạm phát giá tiêu dùng
(trung bình; %)



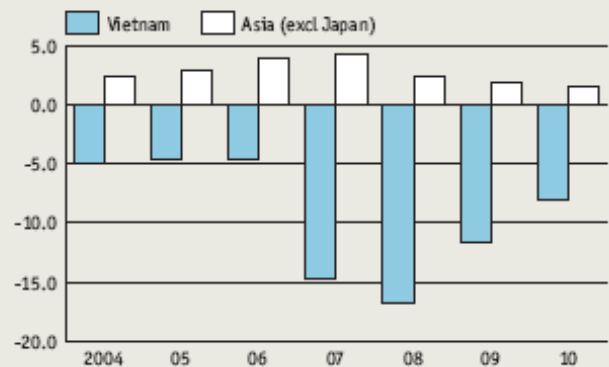
Source: Economist Intelligence Unit.

GDP trên đầu người
(USD; PPP)



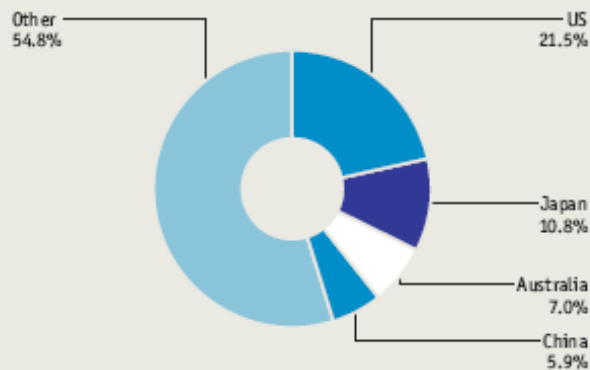
Source: Economist Intelligence Unit.

Cán cân thương mại
(% trên GDP)



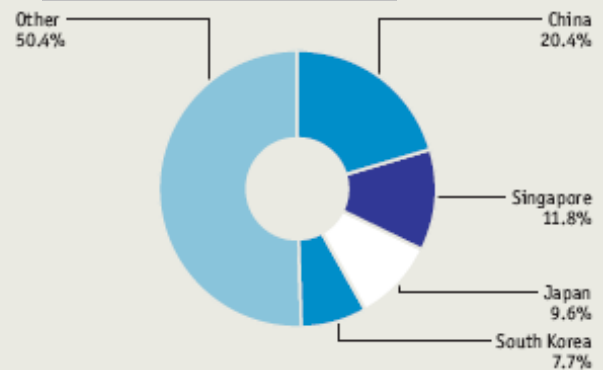
Source: Economist Intelligence Unit.

Nguồn xuất khẩu chính, 2007
(phần đóng góp trên tổng)



Source: Economist Intelligence Unit.

Nguồn nhập khẩu chính, 2007
(phần đóng góp trên tổng)



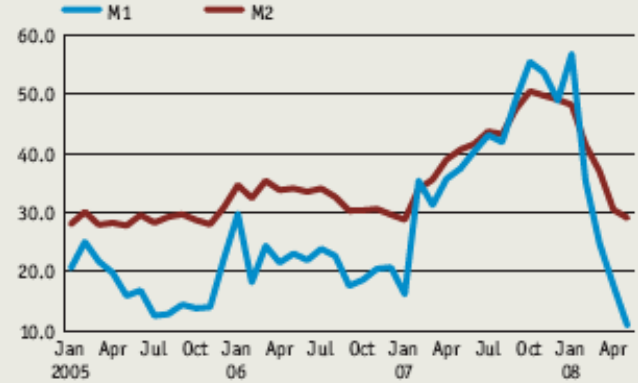
Source: Economist Intelligence Unit.

Biểu đồ xu hướng hàng tháng

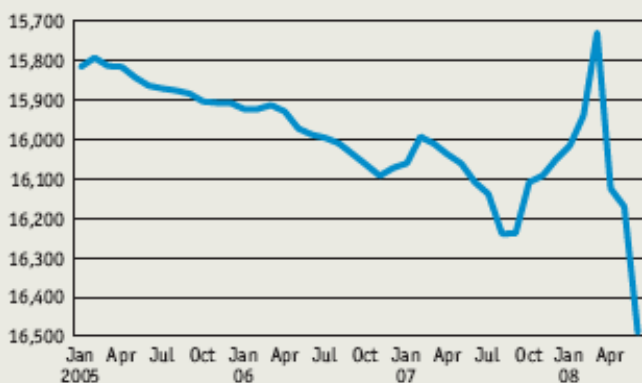
Lạm phát giá tiêu dùng
(% thay đổi, so sánh năm)



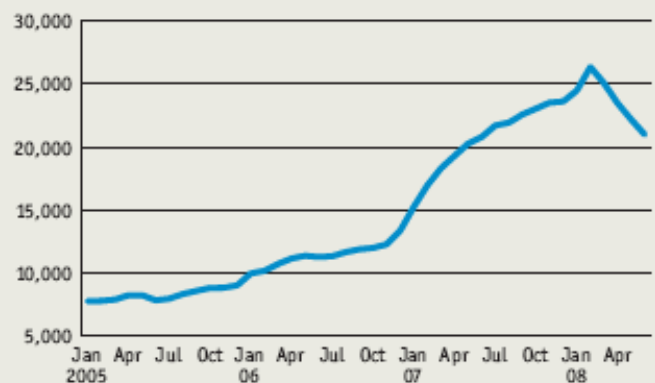
Tổng tiền
Tổng tiền (% thay đổi, so sánh năm)



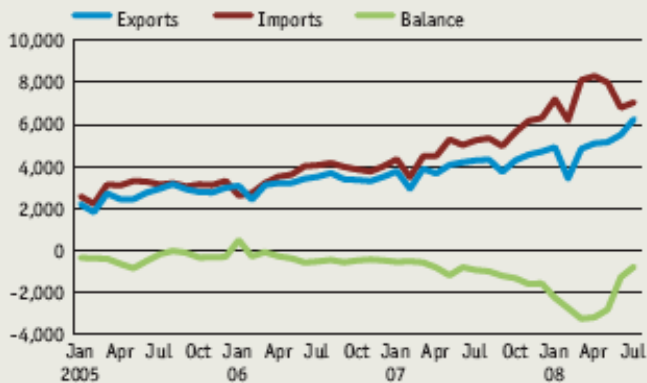
Tỷ giá hối đoái
(Bs: USD; trung bình, tỷ lệ ngược)



Dự trữ ngoại hối
(triệu USD)



Ngoại thương
(triệu USD; chỉ có hàng hóa)



Dầu: giá dầu thô WTI
(USD / thùng; trung bình)



Mô tả ngắn về Quốc Gia

Cơ cấu chính trị

Tên chính thức:	Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Hình thái nhà nước:	Một đảng cầm quyền
Người quản lý:	Nội Các theo hiến pháp chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quốc Gia, được bầu cho một nhiệm kỳ 5 năm
Người đứng đầu quốc gia:	Chủ tịch nước, hiện tại là Nguyễn Minh Triết
Cơ quan lập pháp quốc gia:	Độc viện Quốc Hội (Hội Đồng Quốc Gia) gồm 493 thành viên họp 1 năm hai lần; bầu cử được tiến hành mỗi 5 năm. Hội đồng chỉ định chủ tịch nước và nội các
Chính quyền địa phương:	Trung ương kiểm soát các tỉnh và thành phố tự trị được chia thành các thị trấn, các quận và các làng xã, mà có một cấp chính quyền địa phương thông qua bầu cử các hội đồng nhân dân.
Hệ thống pháp luật:	Tòa án nhân dân và tòa án quân sự địa phương hoạt động như là các tòa án thụ lý đầu tiên và thứ hai, với Tòa án tối cao ở trên đỉnh của hệ thống.
Bầu cử quốc gia:	Bầu cử Hội Đồng Quốc Gia và Hội Đồng Nhân Dân đã diễn ra vào tháng 05 năm 2007; lần kế tiếp sẽ vào năm 2012.
Chính quyền quốc gia:	Đảng Cộng Sản Việt Nam, và đặc biệt là Bộ Chính Trị, kiểm soát cả quy trình bầu cử và quản lý.
Tổ chức chính trị chính:	Đảng Cộng Sản Việt Nam (Tổng Bí Thư: Nông Đức Mạnh); bộ mặt của quốc gia Việt Nam.
Các thành viên chính của Nội Các:	
Thủ tướng	Nguyễn Tấn Dũng
Các phó thủ tướng	Nguyễn Sinh Hùng Phạm Gia Khiêm Hoàng Trung Hải Nguyễn Thiện Nhân Trương Vĩnh Trọng
Các bộ trưởng chủ chốt:	
Nông nghiệp & phát triển nông thôn	Cao Đức Phát
Xây Dựng	Nguyễn Hồng Quân
Văn hóa, thể thao & du lịch	Hoàng Tuấn Anh
Giáo dục & đào tạo	Nguyễn Thiện Nhân
Tài chính	Vũ Văn Ninh
Ngoại giao	Phạm Gia Khiêm
Công nghiệp & thương mại	Vũ Huy Hoàng
Thông tin & truyền thông	Lê Doãn Hợp
Nội vụ	Trần Văn Tuấn
Tư pháp	Hà Hùng Cường
Lao động, thương binh & chính sách xã hội	Nguyễn Thị Kim Ngân
Quốc Phòng	Phùng Quang Thanh
Tài nguyên và môi trường	Phạm Khởi Nguyên
Kế hoạch & đầu tư	Võ Hồng Phúc
Y tế	Nguyễn Quốc Triệu
Giao thông vận tải	Hồ Nghĩa Dũng
Thông đốc ngân hàng trung ương	Nguyễn Văn Giàu

Công ty TNHH Nhựa Duy Tân

Ngày 22 tháng 10 năm 2008

Người dịch: Huỳnh Anh Kiệt